

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo tài chính hợp nhất	04-37
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	04-05
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	06-07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10-37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5500512492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 06 tháng 01 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 13 tháng 09 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Văn Đức	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Thành viên
Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên
Ông Lưu Chiến Thắng	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Dương Quân Anh	Trưởng ban
Bà Bùi Phương Anh	Thành viên
Ông Đặng Quốc Hưng	Thành viên

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ
Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Vạn
Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Nguyễn Tuấn Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La
Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba
Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		253.589.218.075	266.163.357.899
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	79.576.495.071	63.843.947.170
111	1. Tiền		30.076.495.071	18.843.947.170
112	2. Các khoản tương đương tiền		49.500.000.000	45.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	61.456.646.091	-
121	1. Chứng khoán kinh doanh		61.688.716.091	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		(232.070.000)	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		106.921.255.817	184.229.144.506
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	23.901.471.875	107.941.053.673
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	8.119.861.600	21.121.662.600
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	72.490.000.000	53.050.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	2.409.922.342	2.116.428.233
140	IV. Hàng tồn kho	9	3.498.566.964	15.494.457.442
141	1. Hàng tồn kho		3.498.566.964	15.494.457.442
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.136.254.132	2.595.808.781
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	22.768.452	100.312.167
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2.113.485.680	2.495.496.614
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		216.032.482.092	213.952.110.241
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		97.575.000.000	97.575.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	97.575.000.000	97.575.000.000
220	II. Tài sản cố định		41.983.805.086	46.207.089.786
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	32.179.247.994	35.517.910.994
222	- Nguyên giá		57.657.763.130	56.510.901.797
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(25.478.515.136)	(20.992.990.803)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	9.804.557.092	10.689.178.792
225	- Nguyên giá		12.384.703.717	12.384.703.717
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.580.146.625)	(1.695.524.925)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	74.068.096.401	67.528.853.143
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		74.068.096.401	35.096.453.143
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	32.432.400.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.405.580.605	2.641.167.312
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	2.405.580.605	2.641.167.312
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		469.621.700.167	480.115.468.140

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La
Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba
Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		22.812.868.878	40.009.261.647
310	I. Nợ ngắn hạn		13.942.855.356	31.767.544.937
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	2.842.275.430	18.480.464.116
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	421.027.419	891.145.431
314	3. Phải trả người lao động		17.487.719	8.512.580
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	285.632	-
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	15	243.358.773	140.000.000
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	1.524.037.875	3.353.040.302
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		8.894.382.508	8.894.382.508
330	II. Nợ dài hạn		8.870.013.522	8.241.716.710
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	8.694.511.703	8.174.511.703
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		175.501.819	67.205.007
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		446.808.831.289	440.106.206.493
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	446.808.831.289	440.106.206.493
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		385.673.630.000	353.835.080.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		385.673.630.000	353.835.080.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		39.750.000.000	39.750.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		4.447.191.254	4.447.191.254
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		11.907.420.881	37.210.959.770
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		4.971.625.957	25.456.184.757
421b	LNST chưa phân phối năm nay		6.935.794.924	11.754.775.013
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		5.030.589.154	4.862.975.469
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		469.621.700.167	480.115.468.140



Trần Thị Thơm
Người lập



Trần Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường
Liêu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2024 & Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý IV năm 2024		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
			VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	11.210.530.488	147.846.187.265	139.245.565.620	389.733.662.966
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		11.210.530.488	147.846.187.265	139.245.565.620	389.733.662.966
11	4. Giá vốn hàng bán	19	9.284.814.236	139.923.132.423	128.173.613.409	371.174.826.516
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.925.716.252	7.923.054.842	11.071.952.211	18.558.836.450
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	595.585.211	(174.085.560)	2.435.103.844	985.550.479
22	7. Chi phí tài chính	21	577.257.802	218.564.660	1.473.621.676	2.596.029.838
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		543.385.527	-	1.153.870.753	1.599.688.964
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		37.912.743	-	55.696.401	880.927.163
25	9. Chi phí bán hàng	22	21.135.950	573.348.870	1.073.284.114	1.036.638.283
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	804.969.204	854.175.695	3.338.310.956	3.719.229.344
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.155.851.250	6.102.880.057	7.677.535.710	13.073.416.627
31	12. Thu nhập khác	24	967	1.924.179	91.753.296	23.924.209
32	13. Chi phí khác		40.224.779	92.741.864	122.354.125	137.659.886
40	14. Lợi nhuận khác		(40.223.812)	(90.817.685)	(30.600.829)	(113.735.677)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường
Liêu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2024 & Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý IV năm 2024		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
			VND	VND	VND	VND
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.115.627.438	6.012.062.372	7.646.934.881	12.959.680.950
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	59.758.104	389.532.954	381.863.627	830.056.461
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	c	97.015.711	-	108.296.812	67.205.007
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		958.853.623	5.622.529.418	7.156.774.442	12.062.419.482
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		916.981.414	5.532.364.445	6.935.794.924	11.754.775.013
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		41.872.209	90.164.973	220.979.518	307.644.469
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26			190	332



Trần Thị Thơm
Người lập

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2025



Trần Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La
Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba
Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay VND	Năm trước VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		7.646.934.881	12.959.680.950
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		5.370.146.033	5.355.870.157
03	- Các khoản dự phòng		232.070.000	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.490.800.245)	(62.236.470)
06	- Chi phí lãi vay		1.153.870.753	1.672.715.829
07	- Các khoản điều chỉnh khác		(411.274.646)	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		11.500.946.776	19.926.030.466
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		97.423.393.732	(37.122.284.753)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		11.995.890.478	35.325.617.362
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(15.403.882.241)	(15.180.616.298)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		313.130.422	174.108.796
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(61.688.716.091)	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.153.870.753)	(1.676.209.802)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(833.668.540)	(1.048.366.838)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		42.153.223.783	398.278.933
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.146.861.333)	(1.598.383.000)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(388.230.000.000)	(114.200.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		368.790.000.000	118.350.000.000
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(41.580.000.000)	(32.432.400.000)
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		35.105.000.000	94.113.876.431
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.133.062.878	865.550.479
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(24.928.798.455)	65.098.643.910
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		2.134.037.875	645.400.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(3.443.040.302)	(5.826.037.848)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(182.875.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.491.877.427)	(5.180.637.848)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay VND	Năm trước VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		15.732.547.901	60.316.284.994
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		63.843.947.170	3.527.662.176
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>79.576.495.071</u>	<u>63.843.947.170</u>

Trần Thị Thơm
Người lập

Trần Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận
Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5500512492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 06 tháng 01 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 13 tháng 09 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 353.835.080.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 385.673.630.000 đồng; tương đương 38.567.363 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm liên quan đến nông sản sơ chế, chủ yếu là sản lát và ngô hạt sấy.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn thóc ngô và các loại hạt ngũ cốc khác;
- Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Trong vòng 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Nhà máy sản xuất Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà	Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La	Sản xuất, buôn bán nông sản.
Địa điểm kinh doanh Tỉnh Hậu Giang - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà	Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang	Kinh doanh hàng nông sản

Chi nhánh Nhà máy sản xuất Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 5500512492-002 cấp ngày 29/06/2021 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La, Chi nhánh hoạt động theo hình thức hạch toán độc lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận
Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con trực tiếp được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2024 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu	Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La	98,14%	98,14%	Sản xuất, thương mại các sản phẩm liên quan nông nghiệp
Công ty TNHH Nông sản Ngọc Lặc Xanh	Huyện Ngọc Lặc, Tỉnh Thanh Hóa	100,00%	100,00%	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu
Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp Hồng Hà (đổi tên từ "Công ty Cổ phần HongHa Pharma")	Quận Ba Đình, TP Hà Nội	98,00%	98,00%	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình, Kinh doanh dược liệu, thực phẩm chức năng

- Công ty con gián tiếp được hợp nhất tại thời điểm 31/12/2024 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh và thương mại Châu Á	H. Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang	96,04%	98,00%	Sản xuất điện mặt trời

- Danh sách các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ, Sản xuất và Kinh doanh lâm nghiệp Hà Nội	Quận Ba Đình, TP Hà Nội	48,00%	48,00%	Kinh doanh nông, lâm sản. Trồng và chăm sóc rừng

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận
Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Các phương pháp kế toán khác khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận
Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty mẹ phải đánh giá tồn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tồn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tồn thất ngay trong năm phát sinh.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận
Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận
Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Chi phí đào đắp, san lấp mặt bằng khu vực nhà xưởng tại Bàn Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 20 năm theo thời gian thuê đất.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa 3 năm.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.12 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận
Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

SC
C
I
T
H
H
D
/

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận
Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thương hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thương hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thương hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

2.17 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận
Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

2.21 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	573.541.094	1.646.263.180
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	29.502.953.977	17.197.683.990
Các khoản tương đương tiền	49.500.000.000	45.000.000.000
	79.576.495.071	63.843.947.170

(*) Tại 31/12/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng có giá trị 45.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank) với lãi suất 4,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

4 · CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc	Dự phòng VND
- Chứng khoán kinh doanh	61.688.716.091	(232.070.000)	-	-
	61.688.716.091	(232.070.000)		

b) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Nông sản Elmaco (1)	-	-	35.096.453.143	-
- Công ty CP Dịch vụ, Sản xuất và Kinh doanh Lâm nghiệp Hà Nội (2)	74.068.096.401	-	-	-
	74.068.096.401		35.096.453.143	

(1) Trong kỳ, Công ty đã thực hiện thoái toàn bộ 3.500.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 43,75% tổng số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nông sản Elmaco cho Ông Trương Đức Thắng theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2203/2024/HDCNCP/HSL với tổng giá trị chuyển nhượng là 35.105.000.000 đồng.

(2) Tại 31/12/2023, khoản đầu tư của Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp Hồng Hà vào Công ty Cổ phần Dịch vụ, Sản xuất và Kinh doanh lâm nghiệp Hà Nội chiếm tỷ lệ 18% vốn điều lệ. Giá gốc khoản đầu tư là 32.432.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận
Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Công ty CP Tập đoàn Hanco Việt Nam	6.302.390.775	-	2.793.860.575	-
Công ty CP HDC Hà Nội	-	-	7.765.460.870	-
Công ty Cổ phần Dược liệu Đồng Nai	11.290.334.400	-	-	-
Công ty CP Tinh bột sắn Elmaco Ninh Bình	-	-	29.292.579.128	-
Công ty TNHH MTV Nam Việt Hậu Giang	-	-	27.699.304.039	-
Công ty TNHH Huỳnh Phí	-	-	10.055.920.368	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Hoàng Kim Anh	-	-	7.231.051.475	-
Công ty CP Xuất nhập khẩu Vietwoodec	4.603.491.108	-	-	-
Công ty TNHH Thành Đạt Mộc Châu	-	-	11.183.080.424	-
Phải thu khách hàng khác	1.705.255.592	-	11.919.796.794	-
	23.901.471.875	-	107.941.053.673	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách
 La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận
 Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Ông Lò Văn Độ - Ứng tiền mua nông sản	4.000.000.000	-	4.500.000.000	-
Ông Lò Văn Sợi - Ứng tiền mua nông sản	4.000.000.000	-	4.500.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Ameer	-	-	12.000.000.000	-
Đối tượng khác	119.861.600	-	121.662.600	-
	8.119.861.600	-	21.121.662.600	-

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về cho vay các bên khác (*)				
Cho vay cá nhân	72.490.000.000	-	53.050.000.000	-
	72.490.000.000	-	53.050.000.000	-

(*) Khoản cho vay các cá nhân có thời hạn từ 3 - 6 tháng, lãi suất từ 2%/năm đến 5,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận
Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

8 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Bên khác				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	310.305.068	-	16.810.959	-
Tạm ứng	92.000.000	-	92.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	2.007.617.274	-	2.007.617.274	-
Bên liên quan				
	2.409.922.342	-	2.116.428.233	-
b) Dài hạn				
Bên khác				
Phải thu khác (*)	97.575.000.000	-	97.575.000.000	-
	97.575.000.000	-	97.575.000.000	-

(*) Là khoản hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1508/HTKD/NLX-LD/2023 ngày 15 tháng 08 năm 2023 giữa Công ty TNHH Nông sản Ngọc Lặc Xanh với Liên danh Công ty Cổ phần DNĐT Lam Sơn và Công ty Cổ phần Đại Phước Bắc Giang về việc cùng nhau góp vốn hợp tác kinh doanh để xây dựng hạ tầng Dự án Cụm công nghiệp Thanh Sơn, Huyện Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang. Theo đó, Công ty TNHH Nông sản Ngọc Lặc Xanh góp 97.575.000.000 đồng - tương ứng 20% tổng mức đầu tư dự án. Công ty sẽ được hưởng 20% tổng lợi nhuận thu được từ Dự án trên sau khi đã thực hiện nghĩa vụ với nhà nước. Tính đến ngày 31/12/2024, Công ty TNHH Nông sản Ngọc Lặc Xanh đã góp đủ số vốn đã cam kết.

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	2.559.990.351	-
Thành phẩm	3.498.566.964	-	12.934.467.091	-
	3.498.566.964	-	15.494.457.442	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC THỤC PHẨM HỒNG HÀ
Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Vạn
Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

10 - TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	9.994.000.480	19.150.258.499	27.331.915.545	34.727.273	56.510.901.797
- Mua trong kỳ	-	-	1.146.861.333	-	1.146.861.333
Số dư cuối kỳ	9.994.000.480	19.150.258.499	28.478.776.878	34.727.273	57.657.763.130
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	4.005.492.197	12.701.770.462	4.278.183.229	7.544.915	20.992.990.803
- Khấu hao trong kỳ	499.700.052	1.216.081.925	2.761.060.536	8.681.820	4.485.524.333
Số dư cuối kỳ	4.505.192.249	13.917.852.387	7.039.243.765	16.226.735	25.478.515.136
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	5.988.508.283	6.448.488.037	23.053.732.316	27.182.358	35.517.910.994
Tại ngày cuối kỳ	5.488.808.231	5.232.406.112	21.439.533.113	18.500.538	32.179.247.994

Trong đó:

- Tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 16.299.808.605 đồng và 12.291.299.082 đồng đang được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hậu Giang.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.066.600.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận
Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Tài sản cố định thuê tài chính là Thiết bị điện năng lượng mặt trời 996KW bao gồm 2320 tấm pin axitec (430W/tấm), 9 bộ inverter hoà lưới SMA STP-110-60 (110KW) và 2 tủ điện; 01 máy biến áp 1250 KVA của Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease. Nguyên giá của tài sản thuê là 12.384.703.717 đồng, giá trị khấu hao trong kỳ là 884.621.700 đồng.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	18.068.452	29.196.497
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	71.115.670
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.700.000	-
	22.768.452	100.312.167
b) Dài hạn		
Chi phí đào đắp, san lấp mặt bằng (*)	2.349.333.865	2.561.303.845
Phần mềm kế toán	6.258.125	-
Công cụ dụng cụ	5.240.196	18.415.234
Chi phí mua bảo hiểm	38.267.085	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	6.481.334	61.448.233
	2.405.580.605	2.641.167.312

(*) Khoản chi phí đào đắp, san lấp mặt bằng khu vực nhà xưởng tại Bàn Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động san lấp, đào, phá đất đá để tạo mặt bằng khu vực nhà xưởng, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 20 năm.

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Bên khác				
Công ty CP Xuất nhập khẩu 5T	2.743.151.969	2.743.151.969	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Louis	-	-	8.072.423.375	8.072.423.375
Công ty TNHH Đầu tư Minh Hân	-	-	7.506.990.000	7.506.990.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại phân bón hữu cơ Đức Tín	-	-	1.133.919.870	1.133.919.870
Đối tượng khác	99.123.461	99.123.461	1.767.130.871	1.767.130.871
	2.842.275.430	2.842.275.430	18.480.464.116	18.480.464.116

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		-		260.795.962		258.959.061		-		1.836.901	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		870.745.431		381.863.627		833.668.540		-		418.940.518	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		20.400.000		106.425.000		126.575.000		-		250.000	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		-		55.103.434		55.103.434		-		-	
	-		891.145.431		804.188.023		1.274.306.035		-		421.027.419	

Công ty con: Công ty TNHH Ngọc Lạc Xanh, Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu, Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh và Thương mại Châu Á được hưởng chính sách ưu đãi thuế áp dụng cho doanh nghiệp thành lập mới thuộc địa bàn kinh tế khó khăn theo quy định tại Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 và Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
Phải trả khác				
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-		140.000.000	
- Phải trả tiền nhận ứng trước bán chứng khoán	243.358.773		-	
	243.358.773		140.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

16 - VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2024		Trong kỳ		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả	3.353.040.302	3.353.040.302	1.614.037.875	3.443.040.302	1.524.037.875	1.524.037.875
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (1)	78.685.704	78.685.704	-	78.685.704	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hậu Giang (2)	1.086.000.000	1.086.000.000	90.000.000	1.176.000.000	-	-
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chaillease (3)	2.188.354.598	2.188.354.598	-	2.188.354.598	-	-
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng	-	-	1.524.037.875	-	1.524.037.875	1.524.037.875
	3.353.040.302	3.353.040.302	1.614.037.875	3.443.040.302	1.524.037.875	1.524.037.875
b) Vay dài hạn và nợ thuế tài chính						
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (1)	354.085.740	354.085.740	-	-	354.085.740	354.085.740
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hậu Giang (2)	4.875.900.000	4.875.900.000	610.000.000	90.000.000	5.395.900.000	5.395.900.000
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chaillease (3)	2.944.525.963	2.944.525.963	-	-	2.944.525.963	2.944.525.963
	8.174.511.703	8.174.511.703	610.000.000	90.000.000	8.694.511.703	8.694.511.703

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận
Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn và dài hạn:

- (1) Khoản vay giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh và Thương mại Châu Á và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số 230622-8288972-AUTO-1/HD ngày 23/06/2022. Số tiền cho vay: 550.800.000 đồng; thời hạn vay: 84 tháng; Mục đích vay: mua ô tô mới phục vụ mục đích đi lại; Lãi suất vay trong hạn: được bên ngân hàng và khách hàng thỏa thuận theo cung cầu vốn thị trường; Tài sản thế chấp là xe ô tô TOYOTA VELOZ CROSS CVT biển kiểm soát 95A-094.37. Giá trị tài sản thế chấp là 648.000.000 đồng.
- (2) Khoản vay giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh và Thương mại Châu Á và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 01/2021-HĐCVDADT/NHCT821-CTY CHAU A ngày 08/03/2021 với nội dung như sau: Phương thức cho vay: cho vay từng lần; Số tiền cho vay: tổng giá trị không vượt quá 10.200.000.000 đồng; Mục đích sử dụng: Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án điện năng lượng mặt trời mái nhà tại Xã Thạnh Hoà, Huyện Phụng Hiệp, Tỉnh Hậu Giang; Thời hạn vay: 84 tháng. Lãi suất cho vay quy định tại từng Giấy nhận nợ. Các biện pháp đảm bảo cho khoản vay bao gồm:
 - + Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2020/HĐBĐ/NHCT821-CTY PHUC DIEN HAU GIANG ngày 25/08/2020 được ký giữa Ngân hàng và Công ty Cổ phần Đầu tư Phúc Điền Hậu Giang.
 - + Hợp đồng thế chấp động sản số 01/2021/HĐBĐ/NHCT821-ĐMT-CTY CHAU A ngày 08/03/2021 được ký giữa Ngân hàng và Công ty. Tài sản thế chấp là toàn bộ thiết bị hệ thống điện mặt trời mái nhà thuộc Dự án điện mặt trời mái nhà tại số 179, Quốc lộ 61, Ấp Tầm Vu 1, Xã Thạnh Hoà, Huyện Phụng Hiệp, Tỉnh Hậu Giang và tất cả các quyền, lợi ích phát sinh từ tài sản. Giá trị tài sản thế chấp là 15.166.000.000 đồng.
 - Hợp đồng cho vay từng lần số 01/2023-HĐCVTL/NHCT821-CTY CHAU A ngày 23/06/2023 với nội dung như sau: Phương thức cho vay: cho vay từng lần; Số tiền cho vay: 645.000.000 đồng; Mục đích sử dụng: thanh toán chi phí mua xe ô tô phục vụ hoạt động SXKD; Thời hạn cho vay: 60 tháng; Lãi suất cho vay: lãi suất điều chỉnh. Biện pháp đảm bảo cho khoản vay: theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2023/HĐBĐ/NHCT821-CTY CHAU A ngày 22/06/2023. Tài sản thế chấp là xe ô tô tải có mui nhân hiệu ISUZU, biển số đăng ký: 95C- 072.35, giá trị tài sản thế chấp: 942.000.000 đồng.
 - Hợp đồng cho vay từng lần số 01/2024-HĐCVTL/NHCT821-CTY CHAU A ngày 28/03/2024 với nội dung như sau: Phương thức cho vay: cho vay từng lần; Số tiền cho vay: 610.000.000 đồng; Mục đích sử dụng: thanh toán chi phí mua xe ô tô phục vụ hoạt động SXKD; Thời hạn cho vay: 60 tháng; Lãi suất cho vay: lãi suất điều chỉnh. Biện pháp đảm bảo cho khoản vay: theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2024/HĐBĐ/NHCT821-CTY CHAU A ngày 28/03/2024. Tài sản thế chấp là xe ô tô tải có mui nhân hiệu ISUZU, biển số đăng ký: 95C- 084.60, giá trị tài sản thế chấp: 1.035.000.000 đồng.
- (3) Theo Hợp đồng cho thuê tài chính số C2112172C2 ngày 11/01/2022 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh và Thương mại Châu Á và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease về việc thuê tài sản là Thiết bị điện năng lượng mặt trời 996KW bao gồm 2320 tấm pin Axitec (430W/tấm), 9 bộ inverter hoà lưới SMA STP -110-60 (110kw) và 2 tủ điện. Tổng giá trị hợp theo hợp đồng là 11.850.781.824 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%). Mục đích sử dụng: phục vụ hoạt động của công ty, thời hạn thuê 48 tháng. Công ty đã trả trước 2.962.695.456 đồng, giá trị thuê còn lại là 8.888.086.368 đồng, ngày bắt đầu thuê 07/02/2022. Giá trị còn lại của tài sản sau thời hạn thuê là 199.093.135 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	353.835.080.000	39.750.000.000	4.447.191.254	25.864.184.757	5.210.756.000	429.107.212.011
Lãi/lỗ trong năm 2023	-	-	-	11.754.775.013	307.644.469	12.062.419.482
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	(655.425.000)	(655.425.000)
Chi trả thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	(408.000.000)	-	(408.000.000)
Tại ngày 31/12/2023	353.835.080.000	39.750.000.000	4.447.191.254	37.210.959.770	4.862.975.469	440.106.206.493
Tại ngày 01/01/2024	353.835.080.000	39.750.000.000	4.447.191.254	37.210.959.770	4.862.975.469	440.106.206.493
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	-	6.935.794.924	220.979.518	7.156.774.442
Trả cổ tức bằng cổ phiếu từ phân phối lợi nhuận sau thuế (*)	31.838.550.000	-	-	(31.838.550.000)	-	-
Trích thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	(408.000.000)	-	(408.000.000)
Tặng giám/ khác do hợp nhất	-	-	-	7.216.187	(53.365.833)	(46.149.646)
Tại ngày 31/12/2024	385.673.630.000	39.750.000.000	4.447.191.254	11.907.420.881	5.030.589.154	446.808.831.289

(*) Theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-DHĐCD/HSL ngày 25/04/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty đã thông qua phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 100:9. Ngày 22/08/2024 Công ty đã hoàn thành chi trả cổ tức bằng cổ phiếu, số lượng đã phát hành là 3.183.855 cổ phiếu. Công ty đã hoàn thành thủ tục thay đổi vốn điều lệ tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 16 ngày 13/09/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận
Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	12,44%	47.960.000.000	12,44%	44.000.000.000
Ông Nguyễn Tuấn Dũng	7,77%	29.975.000.000	7,77%	27.500.000.000
Ông Lê Văn Đức	3,11%	11.990.000.000	3,11%	11.000.000.000
Các cổ đông khác	76,68%	295.748.630.000	76,68%	271.335.080.000
	100%	385.673.630.000	100%	353.835.080.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024 VND	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	385.673.630.000	353.835.080.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	353.835.080.000	353.835.080.000
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	31.838.550.000	-
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	385.673.630.000	353.835.080.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.567.363	35.383.508
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	38.567.363	35.383.508
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	38.567.363	35.383.508
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.567.363	35.383.508
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	38.567.363	35.383.508
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	4.447.191.254	4.447.191.254
	4.447.191.254	4.447.191.254

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024 VND	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	139.245.565.620	389.733.662.966
	139.245.565.620	389.733.662.966

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách
 La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận
 Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023
	VND	VND
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	128.173.613.409	371.174.826.516
	128.173.613.409	371.174.826.516

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.426.556.987	865.550.479
Lãi bán các khoản đầu tư	8.546.857	120.000.000
	2.435.103.844	985.550.479

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.153.870.753	1.599.688.964
Lỗ thoái vốn công ty liên kết	-	996.340.874
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	232.070.000	-
Chi phí tài chính khác	87.680.923	-
	1.473.621.676	2.596.029.838

22 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023
	VND	VND
Chi phí nhân công	136.936.000	242.912.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	911.317.009	793.726.283
Chi phí khác bằng tiền	25.031.105	-
	1.073.284.114	1.036.638.283

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận
Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023
	VND	VND
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	379.164.615	220.167.039
Chi phí nhân viên	1.135.904.076	1.350.179.101
Chi phí khấu hao tài sản cố định	839.181.792	696.258.135
Thuế, phí, lệ phí	17.000.000	16.500.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	790.991.229	1.436.125.069
Chi phí khác bằng tiền	176.069.244	-
	3.338.310.956	3.719.229.344

24 . THU NHẬP KHÁC

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023
	VND	VND
Thu tiền bồi thường của bảo hiểm	91.752.329	-
Thu nhập khác	967	23.924.209
	91.753.296	23.924.209

25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	381.863.627	830.056.461
	381.863.627	830.056.461

26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023
Lợi nhuận sau thuế	6.935.794.924	11.754.775.013
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	6.935.794.924	11.754.775.013
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	36.526.207	35.383.508
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	190	332

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận
Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	72.426.064.551	123.677.406.277
Chi phí nhân công	1.643.215.076	2.321.291.101
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.370.146.033	5.355.870.157
Thuế, phí, lệ phí	16.000.000	16.500.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.375.953.802	3.419.659.656
Chi phí khác bằng tiền	473.159.553	-
	82.304.539.015	134.790.727.191

28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	79.576.495.071	-	63.843.947.170	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	123.886.394.217	-	207.632.481.906	-
Các khoản cho vay	72.490.000.000	-	53.050.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	61.688.716.091	(232.070.000)	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-	32.432.400.000	-
	337.641.605.379	(232.070.000)	356.958.829.076	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	10.218.549.578	11.527.552.005
Phải trả người bán, phải trả khác	3.085.634.203	18.620.464.116
Chi phí phải trả	285.632	-
	13.304.469.413	30.148.016.121



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận
Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Đầu tư ngắn hạn	61.456.646.091	-	-	61.456.646.091
	61.456.646.091	-	-	61.456.646.091
Tại ngày 01/01/2024				
Đầu tư dài hạn	-	-	32.432.400.000	32.432.400.000
	-	-	32.432.400.000	32.432.400.000

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

351:
JNG
PH
PHÁ
UC P
JNG
NH -

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận
Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	79.576.495.071	-	-	79.576.495.071
Phải thu khách hàng, phải thu khác	26.311.394.217	97.575.000.000	-	123.886.394.217
Các khoản cho vay	72.490.000.000	-	-	72.490.000.000
	178.377.889.288	97.575.000.000	-	275.952.889.288
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	63.843.947.170	-	-	63.843.947.170
Phải thu khách hàng, phải thu khác	110.057.481.906	97.575.000.000	-	207.632.481.906
Các khoản cho vay	53.050.000.000	-	-	53.050.000.000
	226.951.429.076	97.575.000.000	-	324.526.429.076

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách
La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận
Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2024				
Vay và nợ	1.524.037.875	8.694.511.703	-	10.218.549.578
Phải trả người bán, phải trả khác	3.085.634.203	-	-	3.085.634.203
Chi phí phải trả	285.632	-	-	285.632
	4.609.957.710	8.694.511.703	-	13.304.469.413
Tại ngày 01/01/2024				
Vay và nợ	3.353.040.302	8.174.511.703	-	11.527.552.005
Phải trả người bán, phải trả khác	18.620.464.116	-	-	18.620.464.116
	21.973.504.418	8.174.511.703	-	30.148.016.121

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu	Công ty con
Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp Hồng Hà (đổi tên từ "Công ty Cổ phần HongHa Pharma")	Công ty con
Công ty TNHH Nông sản Ngọc Lạc Xanh	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ, Sản xuất và Kinh doanh Lâm nghiệp Hà Nội	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Nông sản Elmaco	Công ty liên kết đến 22/03/2024
Thành viên Hội đồng quản trị	
Thành viên Ban Tổng Giám đốc	
Thành viên Ban Kiểm soát	
Kế toán trưởng	



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách
 La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận
 Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2024

Giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023
	VND	VND
Thu nhập và thù lao của người quản lý chủ chốt		
Ông Lê Văn Đức	121.336.000	127.476.000
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	54.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Tuấn Dũng	140.754.400	151.596.000
Ông Lê Anh Tuấn	54.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Việt Linh	-	20.000.000
Ông Lưu Chiến Thắng	54.000.000	40.000.000
Bà Trần Ngọc Lan	62.754.400	79.596.000
Ông Dương Quân Anh	32.400.000	36.000.000
Ông Đặng Quốc Hưng	84.954.500	36.000.000
Bà Bùi Phương Anh	95.154.000	91.596.000
	699.353.300	702.264.000

31 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.

Trần Thị Thom
 Người lập

Trần Ngọc Lan
 Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Dũng
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2025

